

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tiến Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hải; Bà Trương Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2021/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 2, khu A, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Dương Doãn H1 - Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 2, khu A, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Hiền và anh Hiền.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Doãn H1 vào ngày 16/02/1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Hiền không chịu khó làm ăn, chơi bời, cờ bạc, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường cãi chửi nhau. Chị đã sống ly thân và dứt mọi quan hệ vợ chồng với anh Hiền từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có ba con chung là cháu Dương Thị Thu H2, sinh ngày 11/10/1996, cháu Dương Doãn H3, sinh ngày 19/11/1997 và cháu Dương Việt H4, sinh ngày 01/01/2006. Sau ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung; cháu H2 và cháu H3 đã trưởng thành và tự lập được nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo gọi nhiều lần nhưng anh Dương Doãn H1 không đến Tòa án làm việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với đại diện chính quyền địa phương nơi anh Hiền cư trú được biết: Chị H và anh H1 lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lâm huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 16/02/1996. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự tin tưởng và quan tâm đến nhau; hiện nay anh chị đang sống ly thân. Chị H và anh H1 có ba con chung, hiện đang sống với chị H. Tài sản chung, nợ chung của chị H và anh H1 địa phương không biết. Anh H1 có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Lâm, vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương, việc chị H làm đơn xin ly hôn, anh H1 đã biết; tất cả các văn bản Tòa án gửi cho anh H1 đều nhận được, nhưng không hiểu vì lý do gì anh H1 không đến Tòa án làm việc.

Do anh H1 vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 chung sống đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự tin tưởng và quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị H và

anh H1 sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2019 cho đến nay. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình giải quyết để chị H được ly hôn với anh H1. Về con chung, chị H và anh H1 có ba con chung là cháu Dương Thị Thu H2, sinh ngày 11/10/1996, cháu Dương Doãn H3, sinh ngày 19/11/1997 và cháu Dương Việt H4, sinh ngày 01/01/2006. Cháu H2 và cháu H3 đã trưởng thành và tự lập được nên không đề nghị giải quyết; cháu H4 hiện đang ở với chị H và có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4 là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Hiền thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tổng đạt, thông báo đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng anh H1 vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Dương Doãn H1 kết hôn ngày 16/02/1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận và có ba con chung nhưng hạnh phúc không duy trì được. Mâu thuẫn phát sinh do kinh tế khó khăn, vợ chồng không tin tưởng và quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm

sống. Chị H và anh H1 đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Dương Doãn H1 có ba con chung là cháu Dương Thị Thu H2, sinh ngày 11/10/1996, cháu Dương Doãn H3, sinh ngày 19/11/1997 và cháu Dương Việt H4, sinh ngày 01/01/2006. Cháu H2 và cháu H3 đã trưởng thành và tự lập được nên không đề nghị giải quyết. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4 sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu H4 đang ở với chị H, hơn nữa cháu có nguyện vọng ở với mẹ; do vậy cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4 là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh 1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Hiền không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Dương Doãn H1.
2. Về con chung: Giao chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Việt H4, sinh ngày 01/01/2006. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị H phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001696, ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Dương Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị H và anh Dương Doãn H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND thị trấn Lâm;
- Lưu: HS, VP.

(ĐÃ KÝ)

**Vũ Tiến Mãn**